

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Văn bản hợp nhất Luật Quy hoạch đô thị số 16/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019; Luật Nhà ở ngày 25/11/2014.

Nghị định số 37/2010/NĐ - CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ - CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ “V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010” và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan.

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 27/05/2016 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Đông Triều - Uông Bí - Quảng Yên (Khu vực Tây Nam Quốc lộ 18A), tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050”.

Căn cứ Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Đề án phát triển nhà ở công nhân, lao động ngành than, khu công nghiệp; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng về làm việc, sinh sống tại Quảng Ninh”.

Căn cứ Thông báo số 695-TB/TU ngày 31/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc rà soát quản lý quy hoạch, đầu tư, xây dựng các quỹ đất hai bên tuyến: Cao tốc từ cầu Bạch Đằng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái; đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả; Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều; Căn cứ Thông báo số 768/TB-TU ngày 23/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040”.

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040”.

Căn cứ Văn bản số 5939/UBND-QH3 ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 219/TTr-SXD ngày 30/12/2022 về việc trình duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040 kèm theo báo cáo thẩm định số 5096/BC-SXD ngày 29/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu, thời hạn quy hoạch.

1.1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch.

Toàn bộ diện tích tự nhiên của thị xã Đông Triều với tổng diện tích 39.595,31ha, bao gồm: 10 phường (Đông Triều, Đức Chính, Hoàng Quế, Hồng Phong, Hung Đạo, Kim Sơn, Mạo Khê, Tràng An, Xuân Sơn, Yên Thọ) và 11 xã (An Sinh, Bình Dương, Bình Khê, Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây, Nguyễn Huệ, Tân Việt, Thủy An, Tràng Lương, Việt Dân, Yên Đức); giới hạn như sau: Phía Bắc: Giáp huyện Lục Nam và huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; Phía Nam: Giáp huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Phía Tây: Giáp thành phố Chi Linh, Tỉnh Hải Dương; Phía Đông: Giáp thành phố Uông Bí.

2.2. Thời hạn quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2030; dài hạn đến năm 2040

2. Tính chất, chức năng đô thị

- Là đô thị cửa ngõ phía Tây của tỉnh Quảng Ninh kết nối với Vùng thủ đô Hà Nội, Đồng bằng sông Hồng và Vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Là một trong những trung tâm văn hóa, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp và đô thị phía Tây của tỉnh Quảng Ninh, gồm: Du lịch văn hóa lịch sử, sinh thái gắn với Khu di tích lịch sử Nhà Trần, di tích lịch sử địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam, các làng quê; Công nghiệp chế biến, chế tạo, khai khoáng, năng lượng, vật liệu xây dựng, bến bãi thủy nội địa; Nông nghiệp công nghệ cao.

- Là đô thị phát triển theo mô hình đô thị xanh, thông minh, phát triển bền vững với cảnh quan tự nhiên và thích ứng biến đổi khí hậu; phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Quảng Ninh, có vai trò quan trọng về văn hóa, lịch sử, du lịch, kinh tế và an ninh quốc phòng.

3. Mục tiêu

- Cụ thể hoá, kế thừa các nội dung còn giá trị của các quy hoạch¹ và phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

UCLY

¹ Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014; Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thị xã Đông Triều đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1618/QĐ-UBND ngày 06/6/2015.

đang nghiên cứu; cập nhật, điều chỉnh phù hợp với các định hướng phát triển trong tình hình mới của tỉnh và của thị xã Đông Triều.

- Xây dựng, phát triển thị xã Đông Triều đảm bảo các tiêu chí trở thành thành phố trong giai đoạn đến năm 2025 và phấn đấu đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trong giai đoạn 2026-2030, hướng tới tiêu chuẩn đô thị loại I theo lộ trình tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

4. Dự báo quy mô dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật.

4.1. Quy mô dân số

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 220.000 người, trong đó: Dân số đô thị khoảng 186.000 người; dân số ngoại thị khoảng 34.000 người.

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2040 khoảng 265.000 người, trong đó: Dân số đô thị khoảng 240.000 người; dân số ngoại thị khoảng 25.000 người.

4.2. Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị

- Giai đoạn đến năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 4.270ha, tương ứng với 230m²/người; trong đó: Đất dân dụng khoảng 99m²/người; đất ngoài dân dụng khoảng 131m²/người.

- Giai đoạn đến năm 2040: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 6.251ha, tương ứng với 260m²/người; trong đó: Đất dân dụng khoảng 99m²/người; đất ngoài dân dụng khoảng 162m²/người.

4.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và cơ sở hạ tầng khác.

Tuân thủ quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và các tiêu chí của đô thị loại II trong giai đoạn 2026 - 2030.

5. Quy hoạch sử dụng đất theo yêu cầu phát triển các giai đoạn.

Stt	Danh mục đất	Dự báo đến năm 2030			Dự báo đến năm 2040		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /ng)
A	Khu vực nội thị	17.076			21.021		
A1	Đất xây dựng đô thị (I+II)	4.610	100	248	6.376	100	266
I	Đất dân dụng	1.850	40	99	2.380	37	99
1	Đất đơn vị ở	1.119		60	1.293		54
1.1	Đất ở mới	101		25	219		27
1.2	Đất ở hiện trạng (cải tạo)	1.018		70	1.074		67
2	Đất CT phục vụ công cộng đô thị	23		1,2	85		3,6
3	Đất cây xanh công viên-TDĐT	112		6	174		7
4	Đất giao thông đô thị	597		32	828		34
II	Đất ngoài dân dụng	2.760	60	148	3.995	63	166
1	Đất công nghiệp	646			1.196		
2	Đất kho tàng, bến bãi	80			80		
3	Đất hỗn hợp thương mại, dịch vụ, ở	196			295		

Uely

4	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	95			175		
5	Đất du lịch	215			375		
6	Đất cơ quan, công cộng... (ngoài sự quản lý của đô thị)	136			140		
7	Đất cây xanh cách ly	111			121		
8	Đất các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối	46			53		
9	Đất giao thông đối ngoại, cảng.	559			559		
10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	108			125		
11	Khu di tích nhà Trần	250			250		
12	Đất an ninh quốc phòng	191			277		
13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	35			35		
14	Các loại đất chuyên dụng khác (hạ tầng khác, thủy lợi...)	94			315		
A2	Đất khác	12.466	100		14.645	100	
1	Đất nông nghiệp	4.857			5.712		
2	Đất lâm nghiệp	3.112			3.799		
3	Sông suối, mặt nước	2.286			2.586		
4	Đất hoạt động khai thác	421			877		
5	Đất dự trữ phát triển	1.789			1.671		
B	Khu vực ngoại thị	22.519			18.574		
B1	Đất XD nông thôn (I+II)	3.031	100		2.350	100	
I	Đất xây dựng khu dân cư nông thôn	473	16	139	482	21	193
1	Đất ở nông thôn	303		89,12	295		118
2	Đất công trình công cộng sự nghiệp	52		15,29	58		23
3	Đất giao thông khu dân cư nông thôn.	111		32,66	119		48
4	Đất cây xanh công viên	7		2,06	10		4
II	Đất xây dựng ngoài khu dân cư nông thôn	2.558	84	752	1.868	79	747
1	Đất công nghiệp, CCN	522			0		
2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	71			0		
3	Đất du lịch	297			297		
4	Các loại đất hiện chuyên dụng khác (hạ tầng khác, di tích, thủy lợi...)	963			936		
5	Đất giao thông đối ngoại	252			252		
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	27			31		
7	Đất an ninh quốc phòng	135			65		
8	Đất cây xanh cách ly	25			21		
9	Đất trang trại	180			180		
10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa.	86			86		
B2	Đất khác	19.488	100		16.224	100	
1	Đất nông nghiệp	4.252			2.604		
2	Đất lâm nghiệp	13.733			12.377		
3	Sông suối, mặt nước	860			860		
4	Đất hoạt động khai thác	165			165		
6	Đất dự trữ phát triển	478			218		

Tổng cộng A+B	39.595		39.595	
---------------	--------	--	--------	--

6. Định hướng phát triển không gian

6.1. Mô hình và cấu trúc không gian

- Mở rộng đô thị về phía Nam và phía Đông Nam, khai thác tuyến đường ven sông tốc độ cao kết nối từ đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long đến thị xã Đông Triều; mở rộng đô thị về phía Bắc, khai thác tuyến kết nối khu Trung tâm hành chính mới với Khu di tích lịch sử Nhà Trần.

- Một trung tâm: Phát triển không gian đô thị trung tâm hành chính mới Kim Sơn và Xuân Sơn là điểm kết nối hai đô thị hiện hữu Đông Triều và Mạo Khê.

- Hai tuyến động lực:

+ Tăng cường mạng lưới giao thông Đông Tây theo đường tốc độ cao ven sông, từ đó kết nối giao thoa các điểm đầu mối đô thị cửa ngõ ở khu vực Cổng tỉnh giáp ranh với Hải Dương ở phía Tây, các đầu mối thương mại dịch vụ gắn với hệ thống cảng bến thủy nội địa với đô thị công nghiệp mới ở phía Đông thành trung tâm của thị xã Đông Triều.

+ Tăng cường mạng lưới giao thông Bắc Nam theo trục nối hai cao tốc Hà Nội - Hạ Long với Quốc lộ 5B đi qua khu trung tâm hành chính và kết nối với Khu di tích lịch sử Nhà Trần.

6.2. Phân vùng không gian (03 vùng)

a) Không gian phía Đông:

- Phạm vi ranh giới, quy mô:

+ Từ sông Cầm đến giáp ranh thành phố Uông Bí, bao gồm các xã, phường Xuân Sơn, Kim Sơn, Mạo Khê, Yên Thọ, Yên Đức, Hoàng Quế, Hồng Thái Tây, Hồng Thái Đông; Diện tích khoảng 74km².

+ Dân số đến năm 2040 khoảng 137.000 người; Mật độ 1.851ng/km².

- Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển khai khoáng, công nghiệp sạch, dịch vụ hậu cần dọc tuyến đường ven sông tốc độ cao, hình thành phát triển các đầu mối đường thủy nội địa...).

- Định hướng phát triển:

+ Khu trung tâm hành chính mới Kim Sơn: Giữ nguyên vị trí tại phía Bắc Quốc lộ 18, phát triển Khu hỗn hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng tại nút giao đường ven sông với trục trung tâm và các khu đô thị mới ven sông Cầm.

+ Khu trung tâm Mạo Khê hiện hữu: Cơ bản giữ nguyên cấu trúc giao thông và các chức năng sử dụng đất so với Quy hoạch chung 2016, đồng thời khai thác quỹ đất xen kẽ để phát triển các đơn vị ở, nhóm nhà ở. Loại bỏ đoạn đường sắt vào nhà máy xi măng Hoàng Thạch và kéo dài đường song hành đường sắt tới cụm công nghiệp Yên Thọ. Di dời bến xe Mạo Khê sang vị trí cạnh đường tốc độ cao ven sông tại xã Yên Thọ.

+ Phát triển KCN Đông Triều 2 (quy mô khoảng 400-500ha giai đoạn đầu và dự trữ quỹ đất mở rộng với quy mô 800-1.200ha sau năm 2040) theo mô hình tổ hợp Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ; bổ sung CCN Yên Thọ khoảng 50ha, sản xuất gốm sứ tập trung khoảng 44ha; bổ sung đầu mối hỗn hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng và bến xe đối ngoại tại nút giao đường ven sông với Tỉnh lộ 333; bổ sung

đường nối Bắc Mạo Khê với Bắc Khu trung tâm hành chính mới và trung tâm Đông Triều (song song đường sắt Yên Viên - Hạ Long – Cái Lân) để chia sẻ lưu lượng giao thông với Quốc lộ 18.

b) Không gian phía Tây:

- Phạm vi ranh giới, quy mô:

+ Từ Cổng tỉnh đến sông Cẩm, bao gồm các xã, phường Hưng Đạo, Hồng Phong, Đông Triều, Trảng An, Thủy An, Bình Dương, Nguyễn Huệ, Việt Dân, Tân Việt và An Sinh; diện tích khoảng 95km².

+ Dân số đến năm 2040 khoảng 118.000 người, mật độ 1.242ng/km².

- Tính chất, chức năng: Là không gian phát triển đô thị, trung tâm hành chính - thương mại - dịch vụ, nông thôn mới kiểu mẫu, nông nghiệp tập trung tăng cường liên kết và ứng dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất, khu công viên nông nghiệp, công viên sinh thái.

- Định hướng phát triển:

+ Khu trung tâm Đông Triều: Phần lớn vẫn giữ nguyên cấu trúc giao thông và các chức năng sử dụng đất so với quy hoạch chung 2016 và bổ sung hướng tuyến đường từ Cổng tỉnh đi sân gôn Đông Triều. Xây dựng đường ven sông gắn với bảo tồn hành lang xanh sinh thái sông Đạm Thủy, sông Cẩm.

+ Tổ chức lại không gian khu vực dọc đường ven sông, gồm phát triển các đầu mối hỗn hợp thương mại - dịch vụ - văn phòng tại nút giao với Cổng tỉnh, với Tỉnh lộ 332 mới; bổ sung trung tâm nghiên cứu, đào tạo bao gồm Phân viên Trần Nhân Tông và Khu khoa học công nghệ. Phát triển khu du lịch sinh thái tại Thủy An khoảng 80-90ha; bổ sung khu sản xuất nông nghiệp tập trung tại xã Nguyễn Huệ và xã Bình Dương; bổ sung Cảng tổng hợp ở hạ lưu Cầu Triều.

c) Không gian phía Bắc:

- Phạm vi ranh giới, quy mô:

+ Bao gồm các xã, phường An Sinh, Bình Khê, Trảng Lương, Mạo Khê, Yên Thọ, Hoàng Quế, Hồng Thái Tây và Hồng Thái Đông; diện tích khoảng 226km².

+ Dân số đến năm 2040 khoảng 10.000 người, mật độ 44ng/km².

- Tính chất, chức năng: Là không gian phát triển du lịch tâm linh, sinh thái với hệ thống các di tích chùa, đền, lăng Nhà Trần và cảnh quan gắn với các hồ đập, phát triển các khu chăn nuôi tập trung...

- Định hướng phát triển:

+ Phát huy địa hình của khu vực đất đồi trải rộng dưới chân dãy núi phía Bắc thị xã Đông Triều Đông Triều để phát triển du lịch, hình thành khu vực du lịch trên đồi, tiến hành bảo tồn tự nhiên và đưa vào các hình thức phát triển du lịch đa dạng có tính chất phù hợp với địa hình đồi núi.

+ Cập nhật hướng tuyến đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long; cập nhật định hướng mở rộng khu dịch vụ du lịch Ngọa Vân - Hồ Thiên và phát triển quỹ đất dọc đường hành hương nối Khu di tích lịch sử Nhà Trần với khu di tích danh thắng Yên Tử.

+ Điều chỉnh một số khu hạ tầng sản xuất và đầu mối hạ tầng kỹ thuật như: Loại bỏ CCN An Sinh; bổ sung các khu chăn nuôi tập trung tại xã An Sinh (khoảng

100ha) và Trảng Lương (khoảng 150ha); bổ sung Nhà máy xử lý rác thải nguy hại tại xã An Sinh; mở rộng Công viên nghĩa trang An Sinh và điều chỉnh vị trí nghĩa trang nhân dân phía Đông thị xã đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị.

+ Đóng cửa mỏ đối với khai thác lộ thiên theo lộ trình. Tập trung vào khai thác hầm lò, nâng công suất theo định hướng Quy hoạch phát triển ngành Than tại các khu vực mỏ Mạo Khê, Trảng Bạch, Nam Trảng Bạch, Đông Trảng Bạch, Hồ Thiên, Khe Chuối.

6.3. Phân các khu vực phát triển

a) Các khu hiện trạng:

- Khu vực hạn chế phát triển: Bao gồm khu vực đồi núi, đất nông nghiệp hạn chế phát triển đô thị để bảo tồn môi trường tự nhiên và đảm bảo quỹ đất phát triển đô thị nông nghiệp mới; các khu vực nằm gần các khu di tích, di dời và bố trí tái định cư cho các hộ dân nằm trong khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản, khu vực có nguy cơ sạt lở, ngập úng.

- Khu vực dân cư hiện hữu chỉnh trang cải tạo: Bao gồm các khu vực dân cư đô thị hiện trạng tại các phường như Đông Triều, Mạo Khê đã được hình thành ổn định. Từng bước cải tạo, nâng cấp đảm bảo cảnh quan chung nhưng không làm tăng mật độ xây dựng; chuyên đổi chức năng sử dụng đất đối với những cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, xen kẹt gây ô nhiễm để phát triển nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp trong khu vực đô thị.

- Các khu bảo tồn, tôn tạo: Bao gồm khu vực có các di tích lịch sử quy mô lớn như di tích nhà Trần..., khu vực nông thôn truyền thống có phong cảnh đẹp là nguồn tài nguyên du lịch quý giá như khu vực làng quê Yên Đức... Các di tích lịch sử và kiến trúc cảnh quan có quy mô nhỏ khác cũng cần được bảo tồn tôn tạo, sẽ được xác định chi tiết tại quy hoạch sử dụng đất.

- Các khu chuyển đổi chức năng: Bao gồm các khu vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng sẽ được hoàn nguyên thành đất cây xanh, công viên trong tương lai; khu vực chuyển đổi từ sản xuất trồng trọt sang chăn nuôi tập trung tại xã Trảng Lương, An Sinh.

b) Các khu vực phát triển mới:

- Các khu vực phát triển đô thị mới gồm các khu vực như: Đô thị trung tâm hành chính mới, đô thị công nghiệp mới, đô thị mới dọc đường tránh và phía Nam Đông Triều, đô thị phía Bắc dọc đường trục trung tâm thị xã, đô thị cửa ngõ phía Tây dọc Quốc lộ 18.

- Các khu vực phát triển nhà ở xã hội: Phát triển các khu nhà ở xã hội đồng bộ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tại Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây khoảng 17ha dành cho công nhân lao động tại các khu, cụm công nghiệp lân cận.

- Các khu vực chuyên dụng:

+ Các khu vực phát triển công nghiệp: Gồm các khu, cụm công nghiệp có quy mô lớn như: Đông Triều, Đông Triều II, Yên Thọ, Trảng An... Các loại đất công nghiệp quy mô nhỏ được xác định chi tiết tại quy hoạch sử dụng đất. kelu

+ Các khu vực nông nghiệp: Khu vực trồng lúa, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là khu vực hạn chế phát triển đô thị, khoanh vùng các loại đất cụ thể cần xác định rõ tại quy hoạch sử dụng đất.

+ Các khu vực trồng rừng: Chủ yếu tại khu vực đồi núi phía Bắc thị xã.

c) Các khu vực kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển:

- Các khu vực bảo tồn và phát triển du lịch: Khu vực đất đồi xã An Sinh và các khu vực khác dọc theo tuyến đường du lịch.

- Khu vực bảo tồn và phát triển công viên văn hóa - TDTT trung tâm ven sông Cầm.

d) Các khu cấm xây dựng: Bao gồm các khu vực quân sự, các khu vực có nguy cơ ảnh hưởng môi trường.

(e) Các khu dự trữ phát triển: Khu vực dự trữ phát triển đô thị dọc đường ven sông, khu vực các xã: Việt Dân, Thủy An, Bình Dương, Yên Đức, Bình Khê, Hồng Thái Đông.

6.4. Hệ thống các trung tâm chuyên ngành cấp đô thị

Thị xã Đông Triều phát triển theo mô hình đa trung tâm. Hệ thống trung tâm cấp vùng và cấp đô thị được tổ chức như sau:

a) Hệ thống trụ sở cơ quan quản lý hành chính nhà nước và sự nghiệp:

- Cấp thị xã: Xây dựng mới trung tâm hành chính Thị xã tại phường Kim Sơn và phường Xuân Sơn nằm phía Bắc Quốc lộ 18 và phía Đông đường trục trung tâm Thị xã, bao gồm: Trung tâm chính trị thị xã; Khối liên cơ quan thị xã; Trụ sở Công an thị xã, Bộ Chỉ huy Quân sự thị xã; Khối văn phòng làm việc các công ty và các công trình công cộng khác.

- Cấp phường: Duy trì các công trình hiện có, nâng cấp mở rộng khi có nhu cầu và đủ điều kiện. Cải tạo, nâng cấp trung tâm hành chính cấp phường cho các phường mới thành lập đến năm 2030 gồm các phường: Bình Dương, Thủy An, Yên Đức, Bình Khê.

b) Hệ thống các công trình thương mại dịch vụ:

- Đầu mối thương mại dịch vụ khu vực đô thị:

+ Đầu mối liên vùng: Xây dựng đầu mối thương mại quy mô lớn nhất thị xã Đông Triều ở khu vực trung tâm hành chính, nơi sẽ phát triển đô thị với quy mô lớn, điểm giao cắt giữa đường trục trung tâm và đường ven sông nhằm thu hút khách du lịch. Các đầu mối liên vùng khác tại các khu vực thuận lợi về giao thông kết nối.

+ Đầu mối cửa ngõ: Tận dụng lợi thế thuận lợi về giao thông, xây dựng đầu mối phía tây tại điểm giao cắt Đường tỉnh 332 với đường ven sông; đầu mối phía Đông tại điểm giao cắt Đường tỉnh 333 với đường ven sông.

- Đầu mối thương mại dịch vụ phục vụ du lịch: Bố trí công trình thương mại tại các trạm dừng chân đường cao tốc, đô thị cửa ngõ: bán các đặc sản vùng, nơi mua sắm, nghỉ ngơi, giải trí, giao lưu của khách du lịch và người dân lân cận (xã Tân Việt); Khu vực phía trước đền An Sinh (xã An Sinh); công trình thương mại ở ga cáp treo (xã An Sinh).

c) Trung tâm du lịch: uclu

- Phát triển trên cơ sở hỗ trợ cho Khu di tích lịch sử nhà Trần, khai thác lợi thế cảnh quan khu vực đồi núi phía Nam đường cao tốc.

- Xây dựng khu resort sinh thái vùng đồi, khu nghỉ dưỡng, khu dịch vụ đường cao tốc ở phía Bắc, khu dịch vụ du lịch, xây dựng trọng điểm thương mại du lịch tại khu vực cửa ngõ phía Tây (khu vực công Tỉnh).

- Thực hiện xây dựng trong Khu di tích lịch sử nhà Trần theo Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 07/02/2013.

d) Trung tâm y tế, bảo vệ sức khỏe:

- Các bệnh viện:

+ Nâng cấp mở rộng quy mô Trung tâm y tế Đông Triều tại phường Đức Chính đạt mục tiêu đề ra tại Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Quảng Ninh (450 giường sau năm 2020). Đề xuất quỹ đất 7,8 ha để đảm bảo khả năng nâng cấp mở rộng trong tương lai sau năm 2030.

+ Trung tâm y tế than khu vực Mạo Khê (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam): quy mô 180 giường bệnh, nâng cao cơ sở vật chất và chất lượng khám chữa bệnh cho CBCNV ngành Than và người dân trên địa bàn.

- Các phòng khám đa khoa: Di dời Phòng khám đa khoa khu vực Mạo Khê ra vị trí mới (để dành quỹ đất phục vụ đầu tư, nâng cấp, mở rộng Trường THPT Hoàng Quốc Việt, Trường THCS Mạo Khê 2 thành trường chất lượng cao), Phòng khám đa khoa Khu trung tâm hành chính.

- Khu nghỉ dưỡng chữa bệnh tại xã An Sinh, tận dụng lợi thế về địa hình và tự nhiên phong phú.

e) Hệ thống các công trình giáo dục đào tạo:

- Đại học, cao đẳng, dạy nghề:

+ Phân Viện Trần Nhân Tông thuộc Đại học Quốc gia: Đơn vị nghiên cứu chuyên sâu về Phật học, tư tưởng Trần Nhân Tông, là cơ sở giáo dục đầu tiên của Việt Nam tiên phong trong đào tạo nhân lực chất lượng cao về Phật học. Diện tích 12ha trong Khu di tích lịch sử Nhà Trần.

+ Trung tâm công nghệ và đào tạo R&D theo mô hình doanh nghiệp tại xã An Sinh. Diện tích 20ha.

+ Trường đại học công nghiệp Quảng Ninh tại phường Yên Thọ: đào tạo nguồn nhân lực từ trình độ công nhân, trung cấp kỹ thuật, cao đẳng, đại học. Diện tích 10,3ha.

+ Duy trì hoạt động Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên thị xã Đông Triều (phường Kim Sơn).

- Trung học phổ thông: Xây dựng 01 trường phổ thông nhiều cấp học chất lượng cao trong khu vực trung tâm hành chính mới (phường Kim Sơn, diện tích khoảng 3 ha). Nâng cấp mở rộng 07 trường phổ thông trung học hiện hữu (trong đó có xây dựng trường THPT chất lượng cao cho Trường THPT Hoàng Quốc Việt). Xây dựng mới trường THPT tại xã Bình Khê đáp ứng nhu cầu cho khu vực phía Bắc.

f) Trung tâm văn hóa: uulu

- Trung tâm văn hóa của Thị xã: Xây dựng mới nằm ven sông Cầm (phường Xuân Sơn, diện tích 1 ha).

- Bảo tàng: Sau khi chuyển trung tâm hành chính về khu vực mới, một phần trung tâm hành chính cũ được chuyển công năng thành bảo tàng.

- Thư viện, Nhà hát, Cung thiếu nhi, Triển lãm: Xây dựng mới tại khu đô thị mới Trung tâm hành chính thị xã để phát huy không gian của các trung tâm văn hóa, công viên, để làm nơi triển lãm văn học nghệ thuật...

g) Trung tâm thể dục thể thao:

- Trung tâm thể dục thể thao: Xây dựng mới ven sông Cầm (phường Xuân Sơn, diện tích 10 ha).

- Xây dựng sân gôn và tổ hợp thể dục thể thao tại khu vực đồi núi phía Tây (xã An Sinh, xã Việt Dân).

- Sân vận động: hiện trạng với các sân thể thao lớn trên thị xã bao gồm: Sân vận động phường Đông Triều (diện tích khoảng 1ha), trung tâm TDTT tại khu đô thị Khu đô thị hai bên đường 188 (diện tích khoảng 4,5ha), sân vận động tại phường Mạo Khê (diện tích khoảng 5ha).

- Các trung tâm hành chính, văn hóa, thương mại, dịch vụ cấp khu vực: Bố trí phân tán tại các phân khu chức năng đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ.

6.5. Định hướng phát triển nhà ở xã hội.

- Nhà ở xã hội cho đối tượng công nhân tại các khu công nghiệp: Bố trí các khu nhà ở xã hội tại xã Hồng Thái Tây và Hồng Thái Đông khoảng 17ha, phục vụ cho cán bộ, công nhân làm việc tại KCN Đông Triều và KCN Đông Triều 2.

- Nhà ở xã hội cho công nhân ngành Than: Bố trí khu nhà ở xã hội tại quỹ đất 20% thuộc dự án Khu dân cư Vĩnh Hồng, phường Mạo Khê, diện tích khoảng 1,35ha.

- Nhà ở xã hội tại khu vực đô thị: Bố trí khu nhà ở xã hội tại các dự án đô thị mới tại các: phường Kim Sơn, Đông Triều, Hồng Phong,...khoảng 8,16ha, khai thác quỹ đất xen kẽ trong khu vực đô thị hiện hữu để phát triển nhà ở xã hội phục vụ đối tượng có thu nhập thấp và đối tượng chính sách xã hội.

7. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội.

7.1. Hệ thống hạ tầng kinh tế

a) Các khu, cụm công nghiệp

- Định hướng: 02 KCN gồm KCN Đông Triều II (khoảng 400-500ha), KCN Đông Triều (khoảng 200ha); 02 CCN gồm CCN Yên Thọ (khoảng 50ha), làng nghề sản xuất gốm sứ tập trung (khoảng 44ha).

- Hiện trạng: CCN Tràng An hiện có (khoảng 75ha); điều chỉnh CCN Kim Sơn (khoảng 70ha) do tuyến đường ven sông tác động vào theo tuyến mới; nghiên cứu di dời hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất công nghiệp hiện đại, thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường sau năm 2040.

b) Các khu vực mỏ than:

- Đóng cửa mỏ đối với khai thác lộ thiên theo lộ trình (lộ trình đến hết năm 2026 tại các mỏ Mạo Khê, mỏ Nam Tràng Bạch), tập trung vào khai thác hầm lò,

Kelin

nâng công suất theo quy hoạch ngành than tại các khu vực mỏ Mạo Khê, Tràng Bạch, Nam Tràng Bạch, Đông Tràng Bạch, Hồ Thiên, Khe Chuối;

- Khoanh vùng cấm hoạt động khai thác than đối với Khu vực di tích Lịch sử nhà Trần, các hồ đập phía Bắc và khu vực mỏ Đông Triều - Phả Lại.

c) Các khu vực sản xuất nông nghiệp:

- Về chăn nuôi: Định hướng Khu vực chăn nuôi tại xã Tràng Lương khoảng 150ha và xã An Sinh khoảng 100ha và các điểm chăn nuôi tập trung, thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, các khu vực không được phép chăn nuôi theo Luật Chăn nuôi.

- Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung: Có áp dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, mở rộng liên danh, liên kết tại xã Nguyễn Huệ, xã Bình Dương.

- Giết mổ gia súc gia cầm tập trung: Quy hoạch 2 khu giết mổ gia súc loại I tại phường Hồng Phong và tại xã Hồng Thái Tây.

d) Các khu du lịch:

- Du lịch tâm linh: Phát triển trên cơ sở hỗ trợ cho khu di tích lịch sử nhà Trần, khai thác lợi thế cảnh quan khu vực đồi núi phía Bắc đường cao tốc; thực hiện xây dựng theo Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử nhà Trần ở Đông Triều đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 07/02/2013.

- Du lịch sinh thái: Xây dựng khu resort sinh thái vùng đồi, khu nghỉ dưỡng, khu dịch vụ đường cao tốc, khu dịch vụ du lịch, xây dựng trọng điểm thương mại du lịch tại khu vực cửa ngõ phía Tây (khu vực cổng Tỉnh);

- Du lịch làng quê: Phát huy mô hình du lịch làng quê Việt tại xã Yên Đức, nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng, làng quê tại khu vực xã Thủy An.

7.2. Hệ thống hạ tầng xã hội

a) Cấp vùng: Phục vụ chung cho toàn tỉnh Quảng Ninh và liên huyện Đông Triều - Uông Bí - Quảng Yên.

b) Cấp đô thị: Phục vụ chung cho toàn thị xã Đông Triều, bao gồm cả nội thị và ngoại thị.

c) Cấp khu nhà ở: Phục vụ cho từng phân khu đô thị đã xác định trong phân vùng sử dụng đất.

d) Cấp phường: Bố trí tại 10 đơn vị phường hiện hữu, 06 phường mới và 05 đơn vị xã còn lại (Nguyễn Huệ, An Sinh, Tràng Lương, Tân Việt, Việt Dân). Các hạng mục công trình bao gồm: UBND phường, xã; Nhà văn hóa Phường, điểm bưu điện văn hóa xã; Trạm Y tế phường, xã; Trường tiểu học và trung học cơ sở; Trường mầm non; Chợ hạng 3; Vườn hoa và sân luyện tập.

- Các đơn vị ở xây dựng mới và khu nhà ở xã hội tập trung được bố trí các công trình văn hóa, thương mại, giáo dục cấp đơn vị ở tùy theo bán kính phục vụ và được làm rõ trong đồ án quy hoạch phân khu.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

8.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại: Kết

- Đường bộ:

+ Đường cao tốc Hà Nội - Hạ Long tại phía Bắc điều chỉnh hướng tuyến, bố trí 2 nút giao khác mức liên thông với Đường tỉnh 327 (trục trung tâm thị xã) và đường tỉnh 345. Hai tuyến đường tỉnh này sẽ khớp nối với trục đường bộ nối cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với đường Quốc lộ 18.

+ Đường Quốc lộ: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Bắc Ninh – Uông Bí, đoạn đi qua đô thị với bề rộng 20,5m, đoạn ngoài đô thị bề rộng 25m.

+ Đường tránh quốc lộ 18 (Đường Ven sông): Là đường trục chính theo hướng Đông Tây, liên kết các khu vực của 3 đô thị Quảng Yên - Uông Bí - Đông Triều. Đề xuất kéo dài tuyến về phía Tây kết nối với Vành đai 5 Thủ đô và Quốc lộ 37 tại Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Quy mô tuyến 100m gồm 6 làn xe chính, đường gom 2 bên và định hướng có tuyến đường sắt trên cao chạy ở giải phân cách giữa.

+ Quốc lộ 17B: Cải tạo nâng cấp từ tuyến Đường tỉnh 188 bắt đầu tuyến từ Quốc lộ 18 Đông Triều và kết thúc tại Quốc lộ 5 quận An Dương, thành phố Hải Phòng. Quy mô tuyến 48m.

+ Đường tỉnh 327 trên địa bàn thành phố quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp II-III đồng bằng. Cụ thể như sau: Đoạn từ công tỉnh (nút giao với Quốc lộ 18) đi qua khu vực sân golf thuộc xã An Sinh chạy song song với cao tốc và nhập với trục tuyến đường tỉnh mới, lộ giới 30m. Đoạn từ đường tránh Quốc lộ 18 đến nút giao với đường sắt Yên Viên lộ giới 62m. Đoạn từ nút giao với đường sắt Yên Viên đến giao trục đường hành hương lộ giới 39m. Đoạn trục đường hành hương đi Uông Bí, quy hoạch mặt cắt đường 16m, hành lang mỗi bên 17m.

+ Kéo dài tuyến đường dẫn cầu Triều kết nối với Tỉnh lộ 327 theo quy hoạch, hình thành tuyến Tỉnh lộ 332 mới; tuyến đường tỉnh hiện trạng chuyển thành đường đô thị.

+ Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 333 và Đường tỉnh 345 quy mô các tuyến đường tỉnh 30-40m.

- Đường sắt:

+ Bổ sung tuyến đường sắt nội vùng chạy dọc tuyến đường ven sông, kết nối với thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

+ Nâng cấp cải tạo tuyến đường sắt Yên Viên – Phả Lại – Cái Lân theo tiêu chuẩn đường đơn cấp 2, khổ lòng 1435mm và 1000mm. Trong tương lai phát huy đường sắt vào vận chuyển khách du lịch, kết nối với hệ thống giao thông công cộng tại ga Đông Triều và ga Mạo Khê.

+ Phủ xanh phạm vi khoảng 20m dọc hai bên đất đường sắt nhằm củng cố mạng lưới mặt nước cây xanh của Thị xã.

+ Thanh thải tuyến đường sắt vào Nhà máy xi măng Hoàng Thạch, cải tạo thành tuyến đường nội thị kết hợp cải tạo cảnh quan.

- Đường thủy:

+ Tiếp tục phát triển các cảng trên sông Đá Bạch, bao gồm các cụm cảng Đồng Tâm công suất từ 25 nghìn tấn đến 1 triệu tấn/năm, cảng Bến Cân công suất đạt 3 triệu tấn/năm (nghiên cứu di dời ra khu vực ngoại thị sau năm 2040), cảng bến Đụn công suất 2 triệu tấn/năm. Xây dựng mới cảng hàng hóa tổng hợp kết hợp kho

bãi thuộc xã Hồng Phong, các cụm cảng, bến thủy nội địa dọc sông Đá Bạch, sông Kinh Thầy và cảng du lịch Hồng Thái Tây.

+ Bố trí hệ thống giao thông đường thủy phục vụ du lịch trên sông Cầm, sông Mạo Khê và sông Đá Bạch. Cụ thể, đưa vào vận hành các thuyền cỡ nhỏ có sức chở 30 người (tương tự xe buýt) và 10 người (tương tự taxi).

- Bến xe: Quy hoạch 2 bến xe tại trung tâm giao thông thị xã cho thị xã và 2 bến xe đối ngoại liên tỉnh.

+ Bến xe tại trung tâm giao thông phía Tây: nằm trong khu trung tâm thương mại dịch vụ và du lịch cửa ngõ phía Tây của tỉnh.

+ Bến xe tại trung tâm giao thông khu trung tâm: Nằm tại khu vực ngã giao giữa đường Quốc lộ 18 với tuyến đường trục trung tâm thị xã thuộc khu vực trung tâm hành chính mới.

+ Bến xe đối ngoại khu vực phía Đông (bến xe Yên Đức): Nằm trên trục đường ven sông, bến xe được đầu tư xây dựng cùng với trạm cứu hộ giao thông của khu vực.

+ Bến xe đối ngoại Đông Triều mới: nằm trên trục đường Quốc lộ 18, gần sân vận động thị xã.

b) Giao thông đối nội:

- Bổ sung 2 tuyến đường trục chính đô thị kết nối trung tâm đô thị mới với Hải Dương, chạy song song với tuyến đường sắt Yên Viên - Hạ Long - Cái Lân với lộ giới 39m.

- Quy hoạch tuyến đường 50m nối từ đường tránh quốc lộ 18 đến cầu Đông Mai nối với thành phố Chí Linh - Hải Dương.

- Điều chỉnh các tuyến đường chính đô thị: xây dựng các tuyến đường chính đô thị với quy mô mặt cắt từ 30÷40m (hành lang dự trữ phát triển mỗi bên 5m).

- Điều chỉnh các tuyến đường liên khu vực: xác định các tuyến đường liên khu vực ở các khu vực quy hoạch mới, đảm bảo quy mô mặt cắt từ 15÷30m.

- Điều chỉnh các tuyến đường trong khu công nghiệp: Thiết kế xây dựng mạng đường trong khu công nghiệp với quy mô mặt cắt 15,5÷24m.

- Điều chỉnh các tuyến đường đô thị phù hợp với chức năng đất điều chỉnh, bám sát địa hình và hạn chế sự giao cắt với tuyến đường sắt đảm bảo an toàn.

- Bãi đỗ xe:

+ Duy trì các bãi đỗ xe hiện hữu tại chợ Mạo Khê, ga Yên Dươg, bến xe Đông Triều, bến xe Mạo Khê, khu vực phụ cận nhà văn hóa..., mở rộng quy mô các công trình đó để đáp ứng nhu cầu ngày một tăng.

+ Bố trí tại các khu trung tâm công cộng, khu dịch vụ vui chơi giải trí và các khu ở; được xây dựng theo 3 phân cấp chính: Cấp đô thị (0,8÷1,5ha), cấp khu vực (0,5÷0,8ha), cấp khu ở (0,15÷0,4ha).

c) Giao thông công cộng:

- Phát triển hệ thống xe buýt đường trục Đông - Tây chạy trên tuyến đường tránh, phía Tây tới đô thị cửa ngõ, phía Đông tới ga cuối của tuyến đường sắt một ray

Uông Bí, được quy hoạch để chạy trên làn đường ưu tiên xe buýt. Trong tương lai sẽ hình thành làn chuyên dụng để vận hành hệ thống xe buýt nhanh BRT.

- Xây dựng tuyến xe buýt phục vụ du lịch liên vùng giữa Đông Triều với Uông Bí, kết nối với khu di tích lịch sử nhà Trần thông qua điểm đầu mỗi là ga cáp treo thuộc xã An Sinh.

8.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa đô thị

a) Quy hoạch cao độ nền

Lựa chọn cao độ xây dựng cho khu vực:

- Định hướng khu vực không có đê bao bảo vệ cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} = +3.95m$ (theo quy hoạch vùng Quảng Yên, Uông Bí, Đông Triều).

- Khu vực có hệ thống đê bao bảo vệ: Khu vực ven sông Đá Bạch cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} = +2,8m$ đối với khu vực xây dựng đô thị, $H_{xd} = +3,0$ đối với khu vực xây dựng công nghiệp.

- Khu vực ven sông Cầm $H_{xd} = +3,8m$ đối với đô thị, $H_{xd} = +4,0m$ đối với đất công nghiệp.

- Khu vực phía Tây cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} = +2,8m$, đối với khu công nghiệp cao độ xây dựng là $H_{xd} = +3,0$. Trong nội bộ từng lưu vực lựa chọn phù hợp nhưng không nhỏ hơn cao độ xây dựng tối thiểu.

b) Thoát nước mưa:

- Phân chia thành 04 lưu vực thoát nước chính: lưu vực 1 thoát vào sông Đạm Thủy đổ ra sông Kinh Thầy, lưu vực 2 thoát vào sông Cầm, lưu vực 3 thoát vào sông Đá Bạch, lưu vực 4 thoát vào sông Vàng Chua, dựa vào tính chất địa hình quy hoạch thành các tiểu lưu vực cụ thể.

Phân chia lưu vực đảm bảo thoát nước mưa ra các hồ, sông, suối hoặc các trục tiêu thủy lợi.

8.3. Quy hoạch cấp nước.

a) Nguồn cấp.

- Nguồn nước: Lấy từ nguồn nước thô tại các hồ Khe Chè, hồ Bến Châu, sông Kinh Thầy và sông Trung Lương; ngoài ra nguồn nước ngầm vẫn có vai trò quan trọng trong việc cấp nước cục bộ cho các địa phương.

Tổng trữ lượng nguồn nước ngầm của toàn thị xã: Khoảng 11.134 m³/ngđ.

b) Giải pháp cấp nước.

- Khai thác có hiệu quả nguồn nước ngầm để cấp nước cho các phường Đông Triều, Mạo Khê.

- Nâng công suất NMN Đông Triều công suất đến 6.000m³/ngđ.

- Nâng công suất NMN Mạo Khê công suất đến 5.000m³/ngđ.

- Nâng công suất NMN Miếu Hương đến năm 2030 công suất 20.000m³/ngđ, đến năm 2040 lên công suất 25.000m³/ngđ.

- Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 và xây dựng NMN Hồ Khe Chè công suất đến năm 2030 là 86.000m³/ngđ, công suất đến năm 2040 là 90.000m³/ngđ.

- Xây dựng mới NMN Yên Đức công suất đến năm 2030 là 50.000m³/ngđ. Nguồn nước được lấy từ sông Kinh Thầy thông qua trạm bơm nước thô. Uông

8.4. Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

a) Nguồn điện: Cung cấp từ các nhà máy nhiệt điện Mạo Khê 440MW, Uông Bí mở rộng 1-2 là 630MW, Nhiệt điện Sơn Động 220MW và hỗ trợ nguồn điện từ các nhà máy nhiệt điện khác trong tỉnh thông qua lưới 220KV và 110KV.

b) Giải pháp cấp điện:

- Trạm nguồn 220KV Tràng Bạch có công suất 2x250MVA cấp điện cho các phụ tải sinh hoạt, công cộng, công nghiệp của Đông Triều, cấp cho khu công nghiệp phía tây Uông Bí, cấp điện cho Hải Dương, Hải Phòng.

- Trạm nguồn 110KV: Nâng cấp công suất trạm Tràng Bạch từ 40+63 MVA lên công suất đến năm 2030 là 2x63MVA, trạm cấp điện cho phân khu 1, 2, 3, 4, 6 các cụm công nghiệp và khu vực còn lại.

+ Xây dựng mới trạm 110kV: Mạo Khê đến năm 2030 công suất đạt 2x40MVA cấp điện cho các phân khu 3, 4, 8 và các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phân khu phục vụ. Đến năm 2040 nâng công suất đạt 2x63MVA

+ Xây dựng mới trạm 110kV Đông Triều đến năm 2030 công suất đạt 2x40MVA cấp điện cho khu vực phía Tây phân khu 1, 2, 3, 6, 8. Đến năm 2040 giữ nguyên công suất ở mức 2x40MVA

+ Xây dựng mới trạm 110kV Đông Triều 4 đến năm 2030 có công suất là 2x63MVA, đến giai đoạn năm 2040 công suất không đổi cấp điện cho các phân khu 4, 5, 7 và các khu vực lân cận.

+ Xây dựng mới trạm 110kV Đông Triều 3 giai đoạn 2030 công suất 1x63MVA đến năm 2040 với công suất là 2x63MVA cấp điện cho phân khu 4, cụm công nghiệp Yên Thọ và các khu vực lân cận

+ Xây dựng mới trạm 110kV Đông Triều 2.3 đến năm 2025 có công suất là 1x63MVA và đến năm 2030 có công suất 2x63 cấp điện cho phân khu 5 và các khu vực lân cận

+ Xây dựng mới trạm 110kV KCN Đông Triều đến năm 2025 có công suất là 40MVA, đến năm 2030 có công suất là 2x40MVA phục vụ cho cụm công nghiệp Đông Triều 1

+ Xây dựng mới trạm 110kV Tràng Bạch 2 với công suất năm 2030 là 2x63MVA đến năm 2040 giữ nguyên công suất trạm không đổi, phục vụ cấp điện cho các phân khu 1, 2, 3, 4 và các vùng lân cận.

+ Xây dựng mới trạm 110KV KCN Đông Triều 2.1 với công suất đến năm 2025 công suất 1x40MVA đến năm 2030 2x40MVA phục vụ cấp điện cho khu công nghiệp Đông Triều 2 và các khu vực lân cận.

+ Xây dựng mới trạm 110KV KCN Đông Triều 2.2 với công suất đến năm 2030 là 2x63MVA, năm 2040 giữ nguyên không thay đổi công suất, cấp điện cho phân khu 5, khu công nghiệp Đông Triều 2 và các khu vực lân cận.

+ Xây dựng mới trạm 110kV Đông Triều 2 đến năm 2030 có công suất là 2x40 MVA đến năm 2040 có công suất là 2x63 MVA cấp điện cho các phân khu 4, 5, 7 khu công nghiệp Đông Triều 2 và các khu vực lân cận. Kel

+ Xây dựng mới trạm 110kv Quán Triều với công suất đến năm 2030 là 1x40 MVA đến năm 2040 là 2x40 MVA cấp điện cho phân khu 5, các cụm công nghiệp và khu vực lân cận.

c) Định hướng phát triển lưới điện:

- Mạng lưới cao thế:

+ Lưới 500KV: Theo định hướng quy hoạch vùng đường dây 500KV đi qua thị xã Đông Triều sẽ treo mạch 2 tiết diện ACSR 4x330mm².

+ Lưới 220KV: Giữ nguyên hướng tuyến của các tuyến điện 220KV hiện có. Đường dây 220KV là đường dây mạch kép tiết diện ACSR 2x330mm².

- Lưới 110KV: Các tuyến điện hiện trạng 110KV thị xã Đông Triều được giữ nguyên hướng tuyến và nâng cấp tiết diện lên AC240mm² theo định hướng của quy hoạch vùng. Các trạm biến áp xây mới cơ bản nằm gần các tuyến điện 110KV hiện trạng nên đầu tư xây mới đoạn đầu nối vào trạm với tiết diện AC240mm².

- Mạng lưới trung thế (22 KV, 35KV):

+ Lưới 35kV hiện trạng được đi nổi với tiết diện bé, không đáp ứng đủ nhu cầu thị xã đến năm 2030 nên dự kiến sẽ được dỡ bỏ. Đầu tư xây dựng đường dây 35kV lấy điện từ trạm 220KV Khe Thần để cấp điện cho trạm 35/6KV than Hồng Thái và than Mạo Khê để phục vụ cho phụ tải ngành than.

+ Các tuyến 10KV, 22KV và 35KV trong khu vực nội thị hiện tại đều được đi nổi với tiết diện bé không đáp ứng đủ nhu cầu đến năm 2030 và không đi theo các tuyến đường quy hoạch, không đảm bảo mỹ quan đô thị nên sẽ được dỡ bỏ.

8.5. Định hướng thoát nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: Đầu tư xây dựng 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Đông Triều: Công suất đến năm 2030 dự kiến 12.000m³/ngđ; công suất đến năm 2040 dự kiến 15.000m³/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Trung tâm Hành chính mới: Công suất đến năm 2030 dự kiến: 10.000m³/ngđ. Công suất đến năm 2040 dự kiến 15.000 m³/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải sinh hoạt Mạo Khê: Công suất đến năm 2030 dự kiến: 12.000m³/ngđ. Công suất đến năm 2040 dự kiến 15.000m³/ngđ.

+ Khu nông nghiệp công nghệ cao: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, nước thải khu vực được xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo giới hạn B theo TCVN 5945-2005 trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

+ Lưu vực các xã nông thôn: nước thải thoát chung và thoát về hệ thống sông suối gần nhất sau khi được xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình.

b) Nước thải công nghiệp và y tế:

- Nước thải công nghiệp: Nước thải các Nhà máy được xử lý cục bộ trong nhà máy đạt giới hạn C theo TCVN 5945-2005 sau đó đưa về xử lý tại trạm XLNT tập trung của khu, cụm công nghiệp đạt tới giới hạn B theo TCVN 5945-2005 trước khi xả ra môi trường bên ngoài. udu

- Nước thải y tế: Đối với các bệnh viện lớn của thành phố, nước thải yêu cầu phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo giới hạn B của TCVN 5945:2005 và khử trùng sau đó mới được xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

8.6. Định hướng quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Định hướng quy hoạch chất thải rắn:

- Hoàn thành đầu tư giai đoạn 2 khu xử lý chất thải rắn tại vị trí xã Tràng Lương với diện tích 15,2ha công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh công suất 400 tấn/ngđêm.

- Xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn nguy hại tại xã An Sinh công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh quy mô 32 ha. Công suất thiết kế của giai đoạn 1 của dự án (Sản phẩm, dịch vụ cung cấp): chất thải công nghiệp nguy hại: 400.000 tấn/năm; Rác thải sinh hoạt từ các cơ sở sản xuất công nghiệp: 20.000 tấn/năm; xử lý nước thải: 500 m³/ngày đêm (Xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác thải y tế).

b) Định hướng quy hoạch nghĩa trang, nhà tang lễ:

- Từng bước đóng cửa và trồng cây xanh cách ly các nghĩa trang hiện trạng trong các phường, xã gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường và trong tương lai không thể đáp ứng được nhu cầu mai táng của nhân dân.

- Xây dựng mới khu nghĩa trang công viên tại 2 khu vực xã Tràng Lương quy mô khoảng 21ha và xã An Sinh nghiên cứu mở rộng với quy mô 85ha. Khu vực hỏa táng sẽ sử dụng nhà tang lễ tại công viên nghĩa trang An Sinh.

- Các nghĩa trang tại khu vực các xã thực hiện theo Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới được phê duyệt, thực hiện khoanh vùng, cải tạo cảnh quan, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ.

8.7. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc.

a) Nguồn tín hiệu: Khu vực nghiên cứu được cấp tín hiệu từ tổng đài viễn thông Quảng Ninh thông qua tuyến cáp quang hiện có trên quốc lộ 18.

b) Giải pháp quy hoạch hạ tầng thông tin liên lạc

- Duy trì đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Cơ sở hạ tầng viễn thông chung được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ.

- Ứng dụng và phát triển các giải pháp kiến trúc mạng truy cập vô tuyến mới, mở rộng phát triển các trạm 4G, 5G..

- Phát triển hệ thống anten thu phát sóng đa tần để các doanh nghiệp đầu tư sử dụng chung hạ tầng, tiết kiệm chi phí đảm bảo phủ sóng trên toàn địa bàn.

9. Đánh giá môi trường chiến lược.

9.1. Quản lý và cắt giảm các công trình gây ô nhiễm môi trường

- Kiểm tra, giám sát, quản lý các nhà máy xử lý rác thải, nhà máy xử lý nước thải, các nhà máy sản xuất, các đơn vị kinh doanh, các công trình dịch vụ.

- Xây dựng các công trình xử lý nước thải.

- Xây dựng các công trình và mạng lưới nhằm giảm thiểu rác thải, tái sử dụng, tái chế và phổ biến tới người dân. Kelw

9.2. Tăng cường cải thiện và phục hồi môi trường của khu vực đang bị ô nhiễm, cung cấp và quản lý vệ sinh nước an toàn.

- Đối với các khu đô thị: Cải tạo sông hồ, xây dựng quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị; đa dạng hóa các loại hình công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất các đô thị.

- Đối với các khu công nghiệp: Quản lý và giám sát các nguồn phát sinh nước thải, xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho từng cơ sở sản xuất, các khu và cụm công nghiệp, nước thải sau khu xử lý phải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường.

- Xây dựng mạng lưới giao thông gắn với giảm thiểu khí thải từ xe ô tô, tuyên truyền, phổ biến các loại xe ô tô có lượng khí thải thấp và đưa vào sử dụng các loại hình giao thông công cộng.

- Phổ cập công trình cấp thoát nước, cải thiện vệ sinh cộng đồng thông qua cải tiến.

9.3. Phát triển bền vững hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ tính đa dạng tự nhiên và sinh học.

- Không khai thác khoáng sản tại các khu vực rừng bảo tồn đầu nguồn, rừng đặc dụng, khu du lịch tâm linh.

- Sử dụng đất nông nghiệp phát triển bền vững và ứng dụng các kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Kiểm tra, bảo vệ tài nguyên thủy sản (cải tiến phương thức ngư nghiệp và nuôi trồng hải sản).

- Quy định phát triển và tăng cường quản lý ở khu vực rừng.

- Bảo vệ dải đất trũng phía Nam tránh ngập úng và khu vực ven đồi chống sạt lở, xói mòn...

9.4. Giảm thiểu khí thải gây biến đổi khí hậu và hiệu ứng nhà kính.

- Phổ biến kiến thức và các đối sách liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Yêu cầu bắt buộc về các giải pháp giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính đối với phát triển đô thị và phát triển khu công nghiệp.

- Nghiên cứu và dự đoán ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với khu vực.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp đối với biến đổi khí hậu.

9.5. Bảo tồn các di tích di sản văn hóa lịch sử.

- Ưu tiên bảo tồn di sản lịch sử, văn hóa trước khi tiến hành phát triển công nghiệp và phát triển đô thị.

- Nghiêm cấm khai thác khoáng sản tại các khu vực các di sản, di tích đã được xếp hạng.

9.6. Thực hiện tiêu chuẩn, hạn mức, hiệu lực và chế tài nghiêm ngặt hơn đối với ô nhiễm môi trường nước và không khí

- Đối với các các khu vực nhà máy điện BOT Hải Dương, khu sản xuất điện thép Hòa Phát, nhà máy xi măng Hoàng Thạch cần thắt chặt hạn mức ô nhiễm không khí cũng như nguồn nước. ke lu

- Thất chặt hạn mức ô nhiễm không khí đối với các nhà máy nhiệt điện và xi măng hoạt động trong khu dân cư và khu du lịch.

- Ngoài ra, cần đưa ra hạn mức nghiêm ngặt hơn đối với nước thải được xả vào các nguồn nước sử dụng cho du lịch hay các mục đích sử dụng quan trọng khác như nuôi trồng thủy sản, sinh hoạt và tưới tiêu.

9.7. Bảo vệ môi trường và cảnh quan ven sông bị tác động của các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Đối với các KCN, CCN cả bờ trái và bờ phải dọc sông Kinh Thầy, sông Đá Bạch không bố trí các hoạt động công nghiệp như đóng tàu, nhà máy sàng tuyển than, sản xuất vật liệu xây dựng... dọc sông vì có nguy cơ ảnh hưởng xấu tới môi trường. Nên bố trí các khu cơ cấu ngành tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao như cơ khí, lắp ráp, điện tử, chế biến nông, lâm thủy sản,... là những ngành nghề có ít phát thải tác động đến môi trường.

- Khuyến khích các nhà máy, cơ sở sản xuất trong KCN áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sử dụng công nghệ sạch với lượng khí thải ít, phải có hệ thống xử lý thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Các nhà máy ô nhiễm nặng bố trí cuối hướng gió so với nhà máy ô nhiễm nhẹ hoặc không ô nhiễm. Khu xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn bố trí cuối hướng gió.

- Phủ xanh trong khu đất xây dựng công nghiệp.

- Tạo dựng các ống khói với hình dạng tháp có tính thẩm mỹ.

- Kỹ lưỡng trong việc chọn lựa màu sắc cho các công trình công nghiệp hài hòa với môi trường tự nhiên xung quanh.

- Lấy ý kiến các địa phương lân cận có bị ảnh hưởng bởi các KCN, CCN (đặc biệt các KCN, CCN dọc 2 bên bờ sông Kinh Thầy và sông Đá Bạch) có báo cáo đánh giá tác động và ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường nước, không khí và cảnh quan ven sông.

10. Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư

Ưu tiên đầu tư các dự án phục vụ phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu xử lý nước thải, chất thải để cải thiện môi trường và các dự án phát triển quỹ đất tái định cư phục vụ cho các dự án trọng điểm của thị xã...

Các dự án khu trung tâm hỗn hợp thương mại dịch vụ, khu đô thị mới, khu du lịch thực hiện đầu tư xây dựng theo định hướng phát triển chung của Thị xã và nhà đầu tư.

STT	Dự án ưu tiên
I	Dự án phát triển đô thị
1.1	Xây dựng khu đô thị sinh thái An Sinh phục vụ du lịch nghỉ dưỡng.
1.2	Xây dựng các khu nhà ở dọc tuyến đường trung tâm thị xã, khu vực nội thị.
1.3	Xây dựng các khu ở mới, xen kẽ hoàn chỉnh không gian kiến trúc với mật độ thấp với nhiều cây xanh.
1.4	Xây dựng mới các đầu mối thương mại dịch vụ.
1.5	Xây dựng các khu nhà ở xã hội cho công nhân các khu công nghiệp
II	Dự án hạ tầng xã hội

STT	Dự án ưu tiên
2.1	Xây dựng mới Trung tâm hành chính mới thị xã, trụ sở làm việc các khối cơ quan.
2.2	Xây mới trường liên cấp, các công trình giáo dục theo tiến độ các dự án phát triển đô thị của từng khu vực; nâng cấp, mở rộng quy mô lớp học hiện có theo hướng chất lượng cao tại các cấp học.
2.3	Xây mới các nhà sinh hoạt cộng đồng tại các khu dân cư, các khu đô thị mới đã đầu tư theo quy hoạch.
2.4	Hoàn thiện các khu dịch vụ, khu công viên cây xanh khu vực đô thị, khu vực di tích nhà Trần.
2.5	Xây dựng mới Phân viện Trần Nhân Tông.
2.6	Xây dựng mới Trung tâm công nghệ và đào tạo R&D.
2.7	Mở rộng Trung tâm y tế thị xã, thu hút đầu tư ngoài ngân sách các cơ sở khám chữa bệnh khác trên địa bàn.
2.8	Trùng tu, tu bổ, tôn tạo các di tích trên địa bàn.
III	Dự án công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ
3.1	Xây dựng mới khu du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng khu vực hồ Khe Chè, hồ Đồng Đò, hồ Trại Lốc và một số khu vực có lợi thế cảnh quan.
3.2	Xây dựng các khu chăn nuôi tập trung để thực hiện di dời cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ.
3.3	Xây dựng các vùng sản nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo mô hình liên kết phục vụ du lịch và sản xuất hàng hóa phục vụ du lịch.
3.4	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc gia cầm tập trung loại I tại phường Hồng Phong.
3.5	Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Đông Triều, thu hút nhà đầu tư thứ cấp vào KCN
IV	Dự án hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường
4.1	Xây dựng mới tuyến đường du lịch phía Bắc (từ cổng tỉnh đến cụm di tích Nhà Trần) hình thành tuyến Tỉnh lộ 327.
4.2	Xây dựng mới tuyến đường từ Cầu Triều nối dài đến tuyến Tỉnh lộ 327 theo quy hoạch.
4.3	Xây dựng hạ tầng các bãi đỗ xe công cộng tại các khu đô thị (bãi đỗ xe khu vực Đền Anh Sinh).
4.4	Nâng cấp mở rộng các tuyến đường đô thị.
4.5	Xây dựng tuyến đường nối từ Đường ven sông sang TP Chí Linh.
4.6	Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 18 đến đường ven sông và cầu nối sang TX Kinh Môn
4.7	Cải tạo mở rộng Tỉnh lộ 333 kết nối cầu Lại Xuân và tuyến đường song hành đường sắt.
4.8	Xây mới, nâng cấp, cải tạo các tuyến trung thế, hạ thế, chiếu sáng; từng bước ngầm hóa khu vực cần bảo vệ cảnh quan.
4.9	Xây dựng trạm xử lý nước thải cho các khu vực đô thị.
4.10	Xây mới Công viên nghĩa trang nhân dân khu vực phía Đông thị xã.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND thị xã Đông Triều:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, số liệu và bản vẽ trình duyệt theo quy định. Sau khi Đồ án quy hoạch được phê duyệt, UBND thị xã Đông Triều triển khai thực hiện các nội dung: (1) Hoàn thiện toàn bộ Quy hoạch hệ

thông hạ tầng kỹ thuật của điều chỉnh quy hoạch chung trình Sở Xây dựng thẩm định, xác nhận, lưu trữ hồ sơ theo quy định; (2) Thực hiện nghiêm các nội dung điều và triển khai định hướng quỹ đất phát triển nhà ở xã hội (về khu vực, diện tích) theo quy hoạch được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai, cắm mốc Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2040 được duyệt theo quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định về các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 16 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 .

- Rà soát tổng thể các đồ án quy hoạch phân khu các khu vực chức năng đô thị trong ranh giới điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Đông Triều được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 27/05/2016 và điều chỉnh tại Quyết định này để triển khai lập mới hoặc điều chỉnh đảm bảo các quy định pháp luật hiện hành đảm bảo nguyên tắc không hợp thức hóa sai phạm trong việc tự ý chuyển đổi đất rừng (đặc biệt là các khu vực hiện trạng, được quy hoạch là đất rừng tự nhiên, rừng phòng hộ), không điều chỉnh quy hoạch khi chưa có chủ trương của UBND tỉnh;

- Triển khai xây dựng: Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, Quy chế quản lý kiến trúc đô thị, Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch... để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo các quy định hiện hành;

- Quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt, thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định, giám sát việc đầu tư xây dựng trong ranh giới quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng trái phép không tuân thủ quy hoạch được duyệt.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 27/05/2016 của UBND tỉnh “V/v phê duyệt Quy hoạch chung thị xã Đông Triều đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Điều 4. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Văn hóa Thể thao, Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Y Tế, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *Kellii*

Nơi nhận:

- QCT, P1;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- V0-V3, QH1-3 QLDD1-3, XD1-5;
- Lưu: VT, QH3.

05b – QĐ05-01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q.CHỦ TỊCH



Cao Tường Huy
Cao Tường Huy

